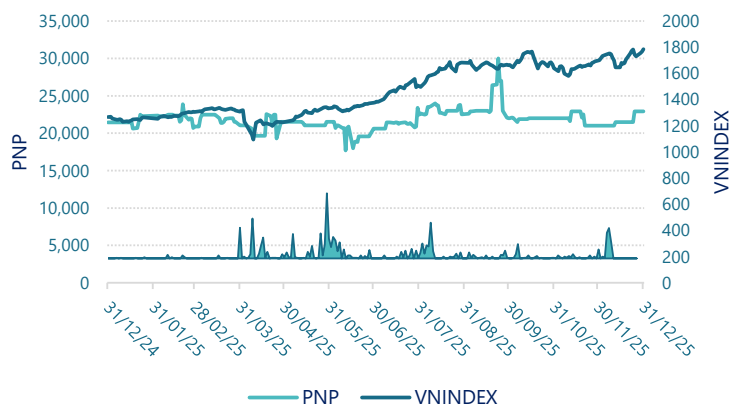


CTCP Tân Cảng - Phú Hữu (UPCOM: PNP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,695
SL cổ phiếu LH	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	369
P/E	8.5
EPS	2,705

DT thuần

Q4/25

95.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.20 | 10.7%

YoY: ▲ 8.40 | 9.7%

LN sau thuế

Q4/25

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.90 | 8.4%

YoY: ▲ 2.40 | 26.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

16.7%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

353

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.00 | -1.1%

LN sau thuế

2025

43.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.50 | 3.8%

ROE

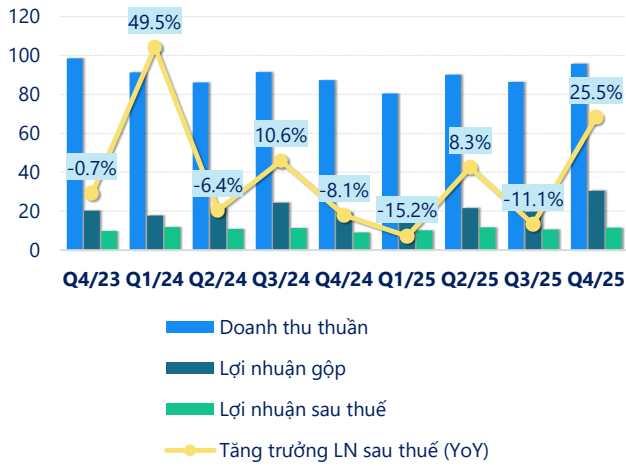
2025

18.7%

+/- YoY: ▲ 0.2%

tỷ VNĐ

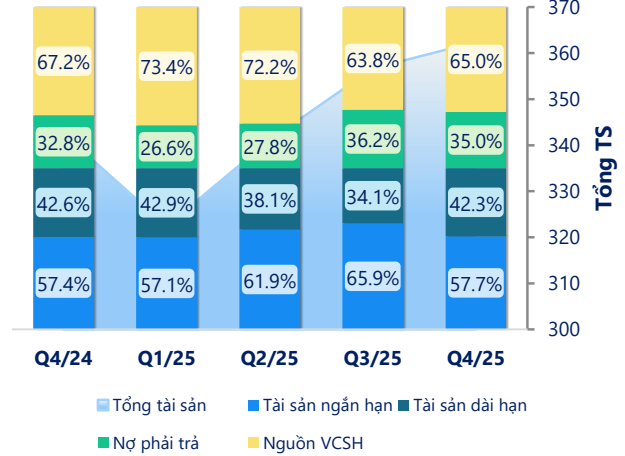
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

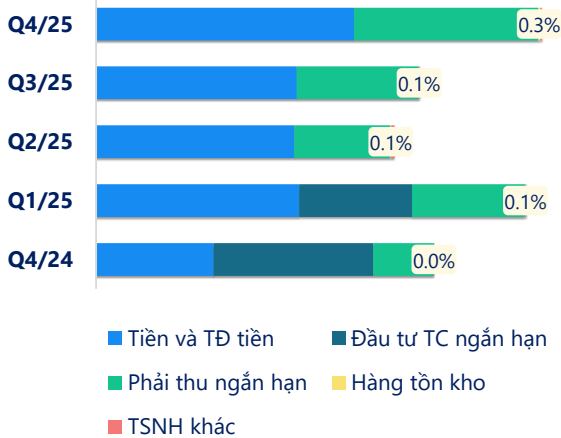
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



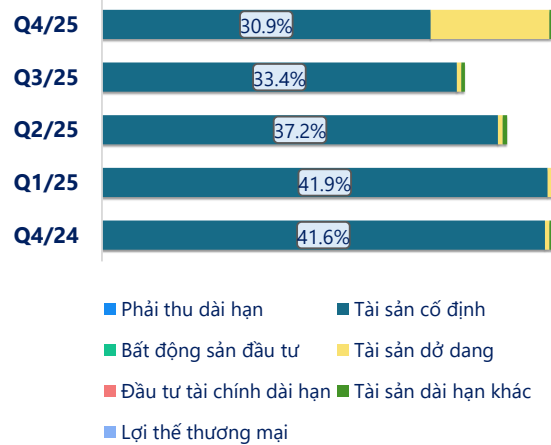
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

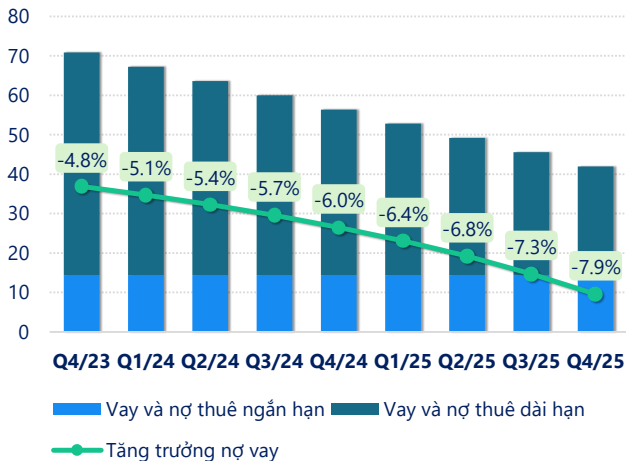
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

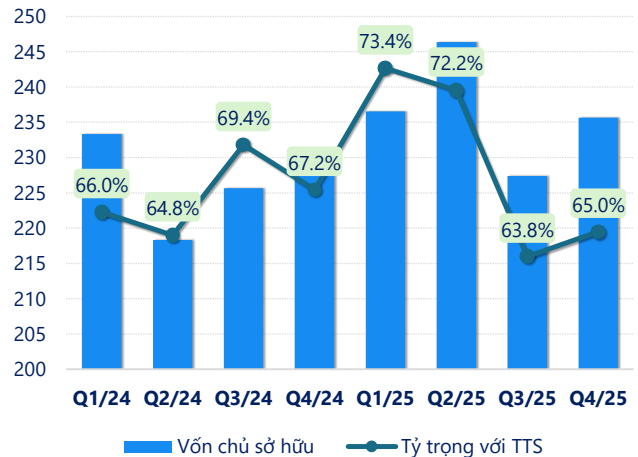
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

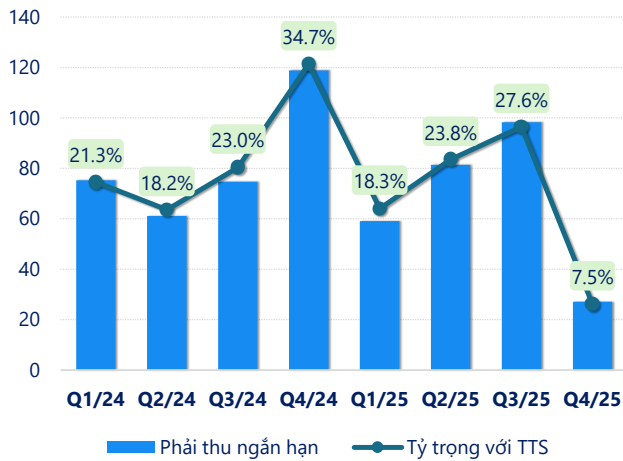
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



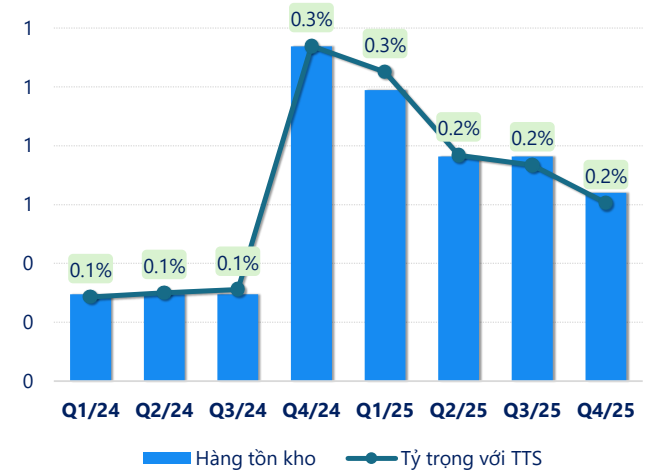
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


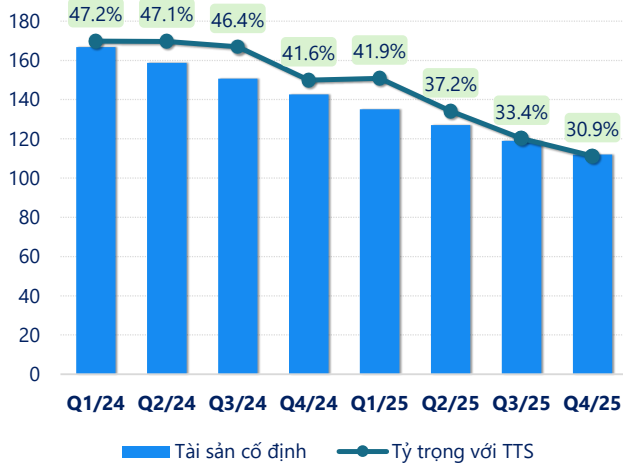
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


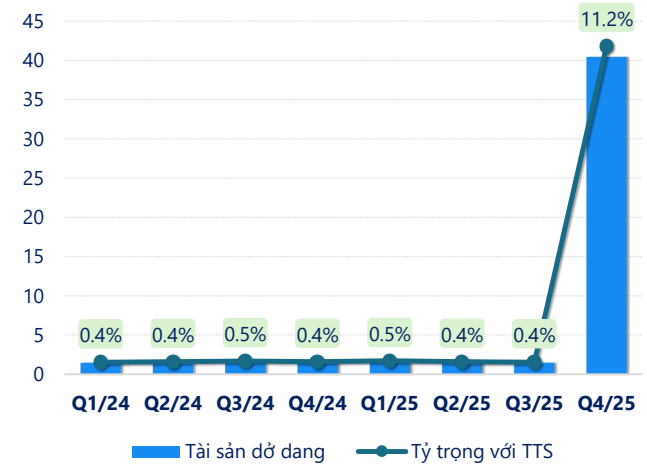
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

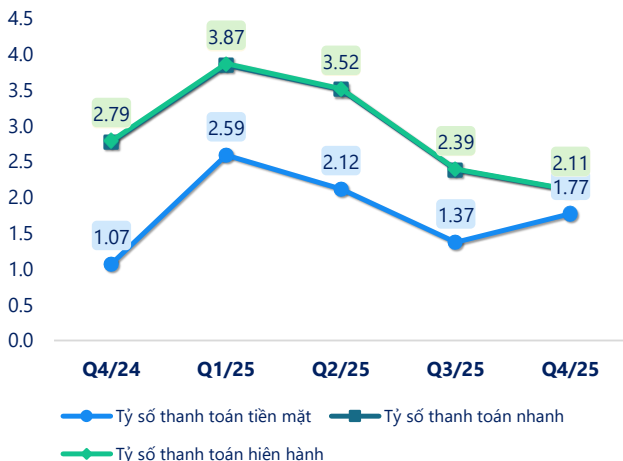
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

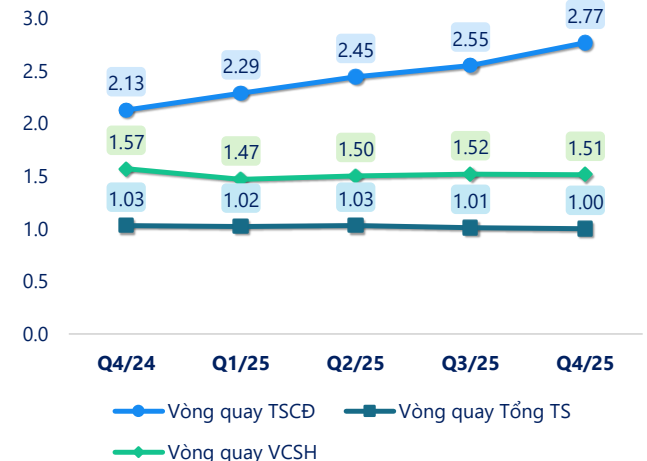
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	343	322	341	357	362
Tài sản ngắn hạn	197	184	211	235	209
Tiền và tương đương tiền	75.5	123	127	135	176
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.26	0	0
Phải thu ngắn hạn	119	59.1	81.4	98.3	27.1
Hàng tồn kho	1.14	0.99	0.76	0.76	0.64
Tài sản ngắn hạn khác	1.25	0.83	1.69	1.29	5.49
Tài sản dài hạn	146	138	130	122	153
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	143	135	127	119	112
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.47	1.47	1.47	1.47	40.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.73	1.85	1.49	1.19	0.90
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	112	85.9	94.7	129	127
Nợ ngắn hạn	70.5	47.6	60.0	98.2	99.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	14.4	14.4	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	36.1	18.7	17.7	38.3	58.5
Nợ dài hạn	42.0	38.3	34.7	31.1	27.5
Vay và nợ thuê dài hạn	42.0	38.3	34.7	31.1	27.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	230	237	246	227	236
Vốn chủ sở hữu	230	237	246	227	236
Vốn điều lệ	161	161	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)